

b. Hướng dẫn HS kể chuyện:

* Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề bài.

- Gọi 1 học sinh đọc đề bài.
- Gọi học sinh đọc nối tiếp nhau lần lượt các gợi ý.
- GV nhắc học sinh nên kể những câu chuyện ngoài SGK.
- Cho học sinh đọc lại gợi ý 3
- GV dán bảng dàn bài kể chuyện
- Khi kể chuyện em cần lưu ý điều gì?

- Học sinh đọc yêu cầu và đọc gợi ý 1 đến 4.

- HS nối tiếp nhau giới thiệu câu chuyện của mình.

- Lớp đọc thầm.

- Giới thiệu với các bạn câu chuyện của mình.

- Kể chuyện phải có đầu có cuối, có mở đầu chuyện, diễn biến và kết thúc chuyện.

* HS thực hành kể chuyện, trao đổi ý nghĩa của câu chuyện

- Gv cho HSkể chuyện theo cặp
- Cho HS thi kể trước lớp.
- GV yêu cầu mỗi HS kể xong đều nói ý nghĩa câu chuyện.

- HS kể trong nhóm. HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

- HS xung phong lên trước lớp KC.

- Lớp nhận xét, bình chọn.

- Lớp có thể đặt câu hỏi của các bạn về nhân vật, các chi tiết trong câu chuyện.

- GV đánh giá

- Yêu cầu HS đánh giá theo :

+ Nội dung ; Cách kể: (Giọng điệu, cử chỉ)

+ Khả năng hiểu chuyện của người kể.

- Lớp bình chọn bạn nào kể hay và hấp dẫn nhất.

4. Củng cố - dặn dò:

- Khi muốn kể 1 câu chuyện em cần thực hiện như thế nào?
- Nhận xét giờ học: Tuyên dương HS có ý thức xây dựng bài.
- Dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện vừa kể ở lớp cho người thân. Xem trước tranh minh họa và bài tập ở tiết kể chuyện tuần 4.

Khoa học

Tuần 3 Tiết 5: Vai trò của chất đạm và chất béo

I. MỤC TIÊU:

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thịt, cá, trứng, tôm, cua,..), chất béo (mỡ, dầu, bơ,..).

- Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:

+ Chất đạm giúp xây dựng và đổi mới cơ thể.

+ Chất béo giàu năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min A, D, E, K.

- GDMT: Con người cần đến khụng khớ, thức ăn, nước uống từ mụi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Hình SGK phóng to

HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên những thức ăn chứa chất bột đường? Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

- HS nêu

-GV nhận xét ghi điểm.

3. Bài mới:

Hoạt động 1: Vai trò của chất đạm và chất béo.

* Mục tiêu: - Nói tên và vai trò của các thức ăn chứa nhiều chất đạm.

- Nói tên và vai trò của các thức ăn chứa nhiều chất béo.

* Cách tiến hành:

+ B1: Yêu cầu HS nói tên các thức ăn chứa nhiều chất đạm, chất béo

- HS thảo luận nhóm

+ B2: Nói tên những thức ăn giàu chất đạm có trong hình ở trang 12 SGK.

- HS quan sát hình 12, 13 SGK

- HS làm việc cả lớp.

- Kể tên các thức ăn chứa chất đạm mà em thích ăn.

- Trứng, tôm, cua, ốc, cá, thịt lợn, thịt bò, đậu,...

- Tại sao hằng ngày chúng ta cần ăn những thức ăn chứa nhiều chất đạm.

- HS tự nêu

- Cho HS nêu tên những thức ăn giàu chất béo có trong hình ở T.13

- HS đọc và nêu ở mục bạn cần biết

- Kể tên các thức ăn chứa nhiều chất béo mà em thích ăn.

- Mỡ lợn, lạc, dầu ăn.

* KLuận:

- Chất đạm có vai trò gì đối với cơ thể.

- Chất đạm tham gia xây dựng và đổi mới cơ thể làm cho cơ thể lớn lên...

- Vai trò của chất béo?

- Chất béo giàu năng lượng giúp cho cơ thể hấp thụ các Vi-ta-min : A, E, D, K.

- Cho vài HS nhắc lại

Hoạt động 2: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất đạm và chất béo.

* Mục tiêu: Phân loại thức ăn chứa nhiều chất đạm và chất béo nguồn gốc từ động vật và thực vật.

* Cách tiến hành:

B1: Phát phiếu và hướng dẫn:

- HS thảo luận nhóm

BẢNG CHỨA THỨC ĂN CHỨA CHẤT ĐẠM

BẢNG THỨC ĂN CHỨA CHẤT BÉO

Tên thức ăn chứa nhiều chất đạm	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV	Tên thức ăn chứa nhiều chất béo.	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV
Đậu nành	X		Mỡ lợn		X

Thịt lợn		X	Lạc	X	
Trứng		X	Dầu ăn	X	
Đậu Hà Lan	X		Vùng	X	
Cua , ốc		X	Dừa	X	

+ B2: cho HS trình bày kết quả thảo luận.

* KL: Các thức ăn chứa nhiều chất đạm và chất béo có nguồn gốc từ đâu?

- GDMT: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.

4. Củng cố - dặn dò

- Nêu vai trò của chất đạm và chất béo?
- Nhận xét giờ
- Chuẩn bị bài sau

- Lớp nhận xét - bổ sung

- Đều có nguồn gốc từ thực vật và động vật.

- HS nghe.

- HS trả lời

Tập đọc

Tuần 3 Tiết 6: Người ăn xin

I. MỤC TIÊU:

- Giọng đọc nhẹ nhàng bước đầu thể hiện được cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật trong câu truyện.

2. Hiểu nội dung : Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng cảm, thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ(trả lời được câu hỏi 1, 2, 3)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Tranh, ảnh minh họa bài đọc.

HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: Cho học sinh hát một bài

2. Kiểm tra bài cũ:

- 2 học sinh đọc nối tiếp nhau bài "Thư thăm bạn".
- Nêu tác dụng của những dòng mở đầu và kết thúc bức thư.

3. Bài mới:

a. Giới thiệu bài. Cho học sinh xem tranh minh họa trong SGK để giới thiệu.

b. Luyện đọc và tìm hiểu:

* Luyện đọc

-GV cho học sinh đọc bài.

- GV hướng dẫn học sinh phát âm từ khó

- Học sinh đọc nối tiếp nhau từng đoạn

- Nêu từ khó đọc

- Nêu từ khó hiểu

- Đọc theo cặp

- Gv giảng từ cho học sinh hiểu HS
 - GV đọc mẫu
 - *Tìm hiểu bài:
 - Cho học sinh đọc bài.
 - Hình ảnh ông lão ăn xin đáng thương như thế nào?
 - Em hiểu thế nào là "lom khom, đờ đờ, giàn giụa"?
 - Khi nói những chi tiết trên là tác giả đã tả đến đặc điểm nào của nhân vật?
 - Đặc điểm ngoại hình của ông lão giới thiệu cho ta biết điều gì?
 - Gọi học sinh đọc bài.
 - Hành động và lời nói ân cần của cậu bé chứng tỏ tình cảm của cậu đối với ông lão ăn xin như thế nào?
 - Những chi tiết nào nói rõ hành động và lời nói của cậu bé.
 - Em hiểu : "lấy bầy", ...run rẩy, yếu đuối
 - "Tài sản" ... của cải, tiền bạc.
 - Nêu ý 2
 - Gọi học sinh đọc tiếp bài.
 - Cậu bé không có gì cho ông lão nhưng ông lão lại nói: "Như vậy là cháu đã cho lão rồi" Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì?
 - Câu nói của ông lão cậu bé cũng cảm thấy được nhận chút gì từ ông theo em cậu bé đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?
 - Nêu ý hiểu "khản đặc" như thế nào?
 - "Nhìn chằm chằm" là nhìn như thế nào?
 - Nêu ý 3:
 - * ý nghĩa: Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng cảm, thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ.
 - c) Hướng dẫn đọc diễn cảm:
 - Cho học sinh đọc bài.
 - Nêu cách đọc:
- 1 đến 2 đọc sinh đọc bài
 - Học sinh đọc đoạn 1 của bài.
 - Ông lão già lom khom, đôi mắt đờ đờ, giàn giụa nước mắt, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi.
 - Học sinh đọc chú giải.
 - Đặc điểm ngoại hình.
 - *Ý 1: Hình ảnh đáng thương của ông lão ăn xin.
 - Học sinh đọc đoạn 2
 - Rất chân thành, thương xót ông lão, tôn trọng ông lão, muốn giúp đỡ ông.
 - Hành động: lục tìm hết túi nọ, túi kia, nắm chặt lấy bàn tay ông lão.
 - Lời nói xin ông lão đừng giận.
 - * Ý 2: Tình cảm chân thành của cậu bé đối với ông lão ăn xin.
 - Học sinh đọc đoạn còn lại.
 - Ông lão nhận được tình thương sự thông cảm và tôn trọng của cậu bé qua hành động cố gắng tìm quà tặng, qua lời xin lỗi chân thành qua cái nắm tay rất chặt.
 - Nhận được từ ông lão lòng biết ơn, sự đồng cảm.
 - Bị mất giọng, nói gàn như không ra tiếng.
 - * Ý 3: Sự cảm thông và đồng cảm giữa ông lão và cậu bé.
 - 3 học sinh đọc nối tiếp 3 đoạn
 - Giọng nhẹ nhàng thương cảm, đọc

- Hướng dẫn học sinh đọc đoạn 3:
- GV đọc mẫu cho học sinh luyện đọc theo N3.

- Thi đọc:
- Gv cùng học sinh nhận xét chung.

4. Củng cố - dặn dò:

- Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?
- Nhận xét giờ học. Về nhà ôn bài, chuẩn bị bài sau.

phân biệt lời nhân vật

- Học sinh đọc phân vai: Cậu bé, ông lão, dẫn truyện.
- Học sinh luyện đọc.
- Cá nhân, nhóm.

Toán

Tuần 3 Tiết 13: Luyện tập

I. MỤC TIÊU: Giúp học sinh củng cố:

- Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu.
- Nhận biết giá trị của từng chữ số theo hàng và lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Vở toán

HS: Bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: Cho học sinh hát một bài

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu các hàng và các lớp đã học.

3. Bài mới:

Bài số 1:(17)

- Cho học sinh đọc yêu cầu bài tập.

a, 35 627 449

b, 123 456 789

c, 82 175 263

d, 850 003 200

- Nêu cách đọc số có nhiều chữ số.

Bài số 2:(17)

- Bài tập yêu cầu gì?

a, 5 triệu, 7 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 3 trăm, 4 chục và 2 đơn vị

b, 5 triệu, 7 chục nghìn, 6 nghìn, 3 trăm, 4 chục và 2 đơn vị

Bài số 3:(17) a) Trong các nước đó:

- Nước nào có số dân đông nhất ?

- Nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số sau.

- Chữ số 3 có giá trị: 30 000 000

- Chữ số 3 có giá trị: 3 000 000

- Chữ số 3 có giá trị: 3

- Chữ số 3 có giá trị: 3 000

- Hs nêu.

- Viết số:

- HS làm bảng con

a, 5 760 342

b, 5 076 342

- Học sinh đọc bảng số liệu rồi trả lời miệng

- Ấn độ

- Nước nào có số dân ít nhất ?

Bài số 4:(17) Cho biết: một nghìn triệu gọi là một tỉ.Cho HS viết vào bảng theo mẫu.

- Gv nhận xét bổ sung.

- Lào

- Học sinh làm vào SGK nêu kết quả lớp nhận xét - bổ sung

4. Củng cố - dặn dò:

- Nêu cách đọc số viết số có nhiều chữ số ?

- Nhận xét giờ học.

Địa lý

Tuần 3 Tiết3: Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn

I. MỤC TIÊU:

- Nêu được tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn : Thái, Mông, Dao....
- Biết Hoàng Liên Sơn có dân cư thưa thớt.
- Dựa vào tranh ảnh, bảng số liệu để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn:
 - + Trang phục mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng; Trang phục các dân tộc được may, thêu trang trí rất công phu và thường có màu sắc sặc sỡ...
 - + Nhà sàn được làm bằng tre, gỗ, nứa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: - Bản đồ địa lý Việt Nam.

- Tranh ảnh về nhà sàn, trang phục, lễ hội, sinh hoạt của một số dân tộc

HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: Cho học sinh hát một bài

2. Kiểm tra bài cũ:

- Nêu đặc điểm của dãy núi Hoàng Liên Sơn .

3. Bài mới:

Hoạt động 1: Hoàng Liên Sơn - nơi cư trú của 1 số dân tộc ít người.

* Mục tiêu: Học sinh biết được các dân tộc của Hoàng Liên Sơn và địa bàn cư trú chủ yếu của 1 số dân tộc ít người.

- Biết Hoàng Liên Sơn có dân cư thưa thớt.

* Cách tiến hành:

+ Cho HS đọc bài.

- Dân cư ở Hoàng Liên Sơn đông đúc hay thưa thớt hơn so với đồng bằng?

- Kể tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn

- Xếp thứ tự các dân tộc theo địa bàn cư trú từ nơi thấp đến cao.

- Những người dân ở những nơi núi cao thường đi bằng những phương tiện gì?

- 1 HS đọc mục 1 SGK

- Dân cư thưa thớt.

- Tày, Nùng, Mường, Dao, Thái, Mông...

- Thái, Dao, Mông

- Chỉ có thể đi bộ hoặc đi bằng ngựa.